PHƯƠNG THỨC TUYỂN DỤNG QUAN LẠI CHO BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC THỜI LÝ (1010-1225)

TRẦN THỊ VINH*

Sau khi đã định đô ở Thăng Long, cùng với việc kiện toàn bộ máy chính quyền Nhà nước, các vua nhà Lý đã chú ý ngay tới việc xây dựng một hệ thống quan chức theo phương thức riêng của dòng họ Lý. Để xây dựng được một hệ thống quan chức theo phong cách riêng của dòng họ Lý, các vua nhà Lý một mặt đã tìm cách đẩy nhanh quá trình quí tộc hoá tầng lớp quí tộc dòng họ Lý; một mặt đã sử dụng cất nhắc những công thần khai quốc và cuối cùng là xúc tiến dần dần việc đào tạo đội ngũ quan lại nho sĩ mới, bổ sung vào bộ máy chính quyền Nhà nước.

Phương thức tuyển dụng quan lại ở thời Lý được tiến hành bằng ba con đường chính là: *Tuyển cử, Nhiệm tử* và *Khoa cử*. Nhưng, vào buổi ban đầu khi chưa đặt khoa trường, con đường xuất thân của quan lại ở thời kỳ này chủ yếu phải dựa vào chế độ *tuyển cử*, rồi đến chế độ *nhiệm tử* (dùng con của các quan) và thêm vào đó là hình thức *nộp tiền*. Sách *Lịch triều hiến chương loại chí*, mục *Quan chức chí* của Phan Huy Chú cũng cho biết rất rõ về điều này là: "Đời Lý khi chưa đặt khoa trường, đường xuất thân quan lại lấy tuyển cử làm trọng, rồi đến nhiệm tử, sau nữa mới đến nộp tiền" (1).

Tuyển cử

Vương triều Lý khi mới thành lập, bên cạnh việc sử dụng lại tầng lớp quan lại cũ của triều Tiền Lê, nhà Lý đã rất coi trọng phương thức tuyển cử để bổ sung thêm đội ngũ quan lại mới vào giúp việc triều đình. Phương thức tuyển cử cụ thể như thế nào không thấy sử sách nói rõ. Nhưng chắc chắn những người được dự vào hàng tuyển cử phải thuộc tầng lớp trên, vì theo ghi chép của Phan Huy Chú trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí* thì "con cháu những người thợ thuyền, con hát và nô tỳ đều không được ghi tên vào danh sách tuyển cử" (2). Sau khi lập Văn miếu Quốc Tử giám, vào năm Thái Ninh thứ 5 (1076), vua Lý Nhân Tông đã cho "lấy những người hiền lương có tài văn võ cho giữ việc quân dân, tuyển quan viên văn chức biết chữ bổ vào Quốc Tử giám" (3). Nhưng trước đó, khi bắt đầu kiện toàn bộ máy chính quyền Nhà nước, để có đủ người vào giúp việc triều đình, vua Lý Thái Tổ đã phải tuyển cử quan lại bằng cách tuyển chọn rồi bổ dụng những người từ trong hàng ngũ thân tộc và những người có công cao để đưa vào làm việc trong bộ máy chính quyền Nhà nước. Tức thời gian này nhà Lý đã bổ dụng quan lại bằng hai con đường chính là tuyển dụng những người từ hàng ngũ *thân tộc* và từ hàng ngũ những người gọi là *thân huân*. Phan Huy Chú viết trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí* rằng "Thời nhà Lý ban tước, lấy tước vương tước công đứng đầu các

*PGS.TS. Viện Sử học

thân (thân tộc của vua), huân (người có công lớn)" (4).

Đối với hàng ngũ thân tộc, ngay sau khi lên ngôi, vua Lý Thái Tổ đã ban chức tước cho hàng loạt con cháu và những người trong họ hàng thân thích. Các Hoàng tử của nhà vua đều được phong làm vương, như Hoàng thái tử Phật Mã làm Khai Thiên vương, Hoàng tử Bổ làm Khai Quốc vương, Hoàng tử Lực làm Đông Chinh vương, rồi các Hoàng tử khác làm Dực Thánh vương, Vũ Uy vương... Các vương đều có phủ đệ riêng, như Khai Thiên vương Phật Mã được ở cung Long Đức, Khai Quốc vương Bổ ở phủ Trường Yên... Các con gái (13 người) đều được phong làm Công chúa. Các vương hầu và công chúa thì đều được quản các thuế theo thứ bậc khác nhau (5). Sau đó, vua Lý Thái Tổ còn phong cho anh trai làm Vũ Uy vương, chú làm Vũ Đạo vương, con Vũ Uy vương là Trung Hiển thì phong làm Thái uý, con Dực Thánh vương làm Phó tổng quản (6)...

Do coi trọng chế độ tuyển cử từ trong hàng ngũ thân tộc nên nhiều người trong dòng họ Lý đã được giữ lâu những chức vụ chủ chốt trong triều, như Lý Đạo Thành giữ chức Tể tướng trong vài chục năm suốt từ đời Lý Thánh Tông đến Lý Nhân Tông; Lý Công Bình giữ chức Tể tướng cũng hàng chục năm trong hai đời vua Lý Anh Tông và Lý Cao Tông... Nhiều người không phải họ Lý nhưng có công phò vua, trợ giúp triều đình cũng được phép "quí tộc hoá", như được ban quốc tính mang họ Lý. Trường hợp Lý Thường Kiệt, vốn họ Ngô, tên thật là Tuấn nhưng được đổi thành họ Lý và ban là "Thiên tử nghĩa đệ", rồi Đỗ Anh Vũ cũng được ban là "Thiên tử tứ tính". Hay nhiều người khác cũng được đổi sang họ Lý, như Phí Công Tín, Đỗ Kính Tu, Mâu Du Đô... Biên niên sử ghi rõ "Công Tín vốn họ Phí, trước kia, do chức Phụng ngự thư gia thăng lên đến Tả ty lang trung, rồi cho đổi là họ Lý" và cho phép "được ra vào thẳng trong cung cấm tâu bày mọi việc" (7). Hoặc Đỗ Kính Tu, người huyện Vân Canh (Từ Liêm- Hà Nội ngày nay) được ban quốc tính mang họ Lý là Lý Kính Tu, giữ chức Binh tào, cùng với Tô Hiến Thành làm phụ chính cho vua Lý Anh Tông, năm 1184 còn được ban hiệu là đế sư (8) (thày của vua). Hay trường hợp Mâu Du Đô cũng là người có công phò giúp vua Lý Thần Tông khi lên ngôi, được phong làm Gián nghị đại phu (9) và được mang họ Lý.

Cùng với việc quí tộc hoá quí tộc dòng họ Lý, các vua nhà Lý còn đề cao vai trò ngoại tộc, đưa những người thân thích của các hoàng hậu vào giữ những chức vụ chủ chốt trong triều đình nhà Lý, đóng vai trò như là quí tộc của dòng họ Lý. Năm 1028, sau khi lập các hoàng hậu, vua Lý Thái Tông đã cất nhắc luôn cha của Mai hoàng hậu là Hựu làm An quốc Thượng tướng, cha của Vương hoàng hậu là Đỗ làm Phụ quốc thượng tướng, cha của Đinh hoàng hậu là Ngô Thượng làm Khuông quốc thượng tướng (10). Đây là những tước hiệu rất cao phong cho người ngoại thích mà sau này sử thần Ngô Sĩ Liên đã lên tiếng phê phán rằng "... lấy thích thuộc cũng phải lấy người có tài. Bọn Hựu quả là có tài chăng? Thì không cứ là cha của Hoàng hậu cũng dùng là phải. Quả không có tài chăng ? Thì ban cho lộc hậu là phải, trao tước phong là không phải" (11). Vì coi trọng cả bên họ ngoại như thế, nên ở thời Lý, vai trò của ngoại thích đặc biệt lớn, như trường hợp Đỗ Anh Vũ, em Đỗ Thái hậu dưới triều vua Lý Anh Tông đã từng gây thanh thế lớn trong triều và đôi khi còn làm những việc khuynh loát cả triều đình.

Bên cạnh việc bổ dụng quan lại dựa vào tiêu chuẩn thân tộc nhà Lý còn dùng "thân huân", tức dùng những người thân thích có công cao vào giúp việc triều đình. Vào thời Lý, hàng loạt công thần được cất nhắc ngay trong những năm đầu tiên xây dựng chính quyền. Như Đào Cam Mộc được phong làm Tín Nghĩa hầu và được làm Phò mã của nhà Lý, kết hôn với Trưởng công chúa. Những người khác như Trần Cảo được giữ chức Tướng công, Ngô Đinh làm Khu mật sứ, Đào Thạc Phu làm Thái bảo, Đặng Văn Hiếu làm Thái phó, Phí Xa Lỗi làm Tả Kim ngô, Vệ Trúc làm Hữu Kim ngô, Đàm Thản làm Tả vũ vệ, Đỗ Giản làm Hữu vũ vệ (12). Về việc này Phan Huy Chú cũng ghi trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí* rằng: "Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (1010), phong quan tước cho người thân thuộc và người có công, có các danh hiệu: Thái sư, Thái phó, Thái bảo, Tổng quản, Tướng công, Cơ mật sứ, Tả hữu kim ngô, Tả hữu vũ vệ, Viên ngoại lang" (13).

Sang thời Lý Thái Tông, những bầy tôi thân tín có công cũng tiếp tục được trọng dụng, như Lê Phụng Hiểu là người có công dẹp loạn ba vương bảo vệ ngôi vua được Lý Thái Tông cho làm tới chức Đô thống thượng tướng quân và được ban tước hầu (14); Lý Nhân Nghĩa cùng Lê Phụng Hiểu tham gia vào vụ dẹp loạn này cũng được nhà vua trọng dụng vào giữ những chức vụ chủ chốt trong triều (làm Hữu phúc tâm) và được ở lại giữ kinh sư trong dịp nhà vua đi đánh dẹp phủ Trường Yên vào tháng 4 năm 1028 (15). Cùng năm này, vua Lý Thái Tông cũng cất nhắc và ban chức tước cho hàng loạt bầy tôi, như: Lương Văn Nhậm làm Thái sư, Ngô Thượng Đinh làm Thái phó, Đào Xử Trung làm Thái bảo, Lý Đạo Kỷ làm Tả khu mật, Lý Triệt làm Thiếu sư, Xung Tân làm Hữu khu mật, Lý Mật làm Tả tham tri chính sự, Kiều Bồng làm Hữu tham tri chính sự, Liêu Gia Trinh làm Trung thư thị lang, Hà Viễn làm Tả gián nghị đại phu, Nguyễn Quang Lợi làm Thái uý, Đàm Toái Trạng làm Đô thống, Vũ Ba Tư làm Uy vệ thượng tướng, Nguyễn Khánh làm Định thắng đại vương, Đào Văn Lôi làm Tả phúc tâm, Lý Nhân Nghĩa làm Hữu phúc tâm và Phan Đường Liệt làm Nội thị (16).

Việc phong chức tước cho những công thần phò giúp nhà vua vẫn còn phổ biến trong những đời sau. Năm 1128, sau khi lên ngôi, Lý Thần Tông đã ban chức tước cho hàng loạt công thần có công phò tá lúc nhà vua lên ngôi. Phong cho Nội vũ vệ Lê Bá Ngọc làm Thái Úy, tước hầu; Nội nhân hoả đầu Lưu Ba và Dương Anh Nhĩ làm Thái phó, tước Đại liêu ban; Trung thừa Mâu Du Đô làm Gián nghị đại phu, thăng trật chư vệ; Nội nhân hoả đầu Lý Khánh, Nguyễn Phúc và Cao Y làm Thái bảo, tước Nội thượng chế; Nội chi hậu quản giáp Lý Sơn làm Điện tiền chỉ huy sứ, tước Đại liêu ban; Linh nhân Ngô Toái được phong tước Thượng chế; Ngự khố thư gia Tứ Diên làm Ngoại lang (17)...

Với chế độ tuyển cử rộng rãi như thế, lớp quan lại bổ sung cho bộ máy chính quyền nhà nước thời Lý cũng đã được gia tăng đáng kể. Nhưng để bổ sung thêm và cũng là để tăng thêm đặc quyền đặc lợi cho đội ngũ quí tộc quan liêu, nhà Lý đã duy trì thêm hình thức nhiệm tử mà hai triều Đinh và Tiền Lê trước đó đã từng làm.

Nhiệm tử

Nhà Lý trọng dụng quan chức không chỉ dựa vào phương thức tuyển cử qua con đường thân tộc và huân công như trên mà việc nhiệm tử - dùng con cháu các quan lại được tập ấm cũng là một phương thức lựa chọn để lấy người làm quan. Chế độ nhiệm

tử có từ thời Đinh và Tiền Lê trước đó, đến nhà Lý vẫn còn tiếp tục. Nhưng việc dùng con cái các quan vào làm quan như thế nào cũng không thấy sử cũ ghi lại cụ thể. Về việc này, Phan Huy Chú cũng nói trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí* rằng: "Từ đời Trần trở về trước, cấp bậc phong ấm không thể kê cứu... việc phong ấm cho các quan văn võ cũng không thể kê cứu được" (18). Như vậy, ta chỉ có thể biết rằng vào thời Lý trong cách bổ dụng quan lại vẫn còn có con đường nhiệm tử- tập ấm cho con cháu quan lại, nhưng cụ thể ra sao thì chưa rõ. Song, chắc chắn đến thời Lý chế độ nhiệm tử cũng không còn coi trọng như ở hai thời kỳ trước vì chế độ này không thể đảm bảo chất lượng của đội ngũ quan chức trong tình hình mới và đặc biệt với chế độ "con quan lại làm quan" vô hình trung đã mang đến cho tầng lớp quí tộc quan liêu thêm nhiều đặc quyền đặc lợi trong khi nhu cầu về đội ngũ quan chức có trình độ và năng lực ra giúp nước thì lại bị hạn chế. Chính từ những điều bất cập này, nhà Lý đã bắt đầu nghĩ tới việc mở mang khoa cử để tuyển chọn quan lại xuất thân từ con đường nho học. Chỉ có như vậy mới đảm bảo sự bền vững cho một thể chế quân chủ. Vì vậy, khoa cử được coi là phương thức tuyển dụng quan lại quan trọng thứ hai của nhà Lý. Tuy nhiên, khi chưa mở được các khoa thi để tuyển chọn nhân tài thì nhà Lý vẫn còn có thêm hình thức gọi là nộp tiền để trao quan tước.

Nộp tiền

Phương thức nộp tiền để được trao quan tước ở thời Lý chắc chưa thể thịnh hành như ở những thời kỳ sau. Vì vậy, không thấy biên niên sử ghi về mức độ tiền nộp cụ thể và mức trao quan tước cụ thể mà chỉ thấy sách *Lịch triều hiến chương loại chí* ghi rằng: "Người quyên nộp tiền, bắt đầu bổ làm Lại, nộp lần thứ hai được bổ làm Thừa tín lang; làm việc xứng chức thì bổ Tri châu" (19). Như vậy, Tri châu là chức quan đứng đầu cấp châu ở thời Lý cũng có thể bổ dụng qua phương thức nộp tiền. Nhưng hình thức này chắc chắn không thể đem lại hiệu quả mong muốn.

Hình thức đảm bảo nhất và cũng là chính thống nhất trong phương thức tuyển dụng đội ngũ quan lại cho một chính thể quân chủ phải là hình thức tuyển dụng qua con đường học nghiệp. Điều này cũng được Phan Huy Chú nói rõ trong phần *Khoa mục chí* của sách *Lịch triều hiến chương loại chí* rằng "Con đường tìm người tài giỏi, trước hết là khoa mục. Phàm muốn thu hút người tài năng, tuấn kiệt vào trong phạm vi của mình, thì người làm vua một nước không thể nào không có khoa cử" (20). Vậy, khoa cử là một trong phương thức tuyển dụng quan lại khá quan trọng và được xúc tiến bắt đầu từ thời Lý.

Khoa cử

Hình thức khoa cử tuyển chọn nhân tài qua con đường học vấn bắt đầu có từ thời Lý. Lần đầu tiên trong lịch sử chế độ quân chủ Việt Nam khoa cử được sử cũ nhắc đến là vào năm Ất Mão (1075), mùa xuân, tháng 2, nhà vua "xuống chiếu tuyển Minh kinh bác học và thi Nho học tam trường. Lê Văn Thịnh được trúng tuyển, cho vào hầu vua học" (21). Sách *Việt sử thông giám cương mục* còn nhấn mạnh "Khoa cử nước ta bắt đầu từ đấy" và "Lê Văn Thịnh là người khai hoa đầu tiên" (22).

Như vậy, Nho học bắt đầu được coi trọng và đội ngũ Nho sĩ đỗ đạt bắt đầu từ đây được gia nhập vào trong tổ chức chính quyền Nhà nước. Tuy nhiên, vào thời Lý, khoa cử mới bắt đầu chứ chưa trở thành chế độ thường xuyên, nên khi đã có khoa cử rồi mà triều đình nhà Lý vẫn phải duy trì

hình thức tuyển cử. Ngay một năm sau khi mở khoa thi đầu tiên (1076), triều đình nhà Lý vẫn phải ban hành lệnh "cất nhắc những người hiền lương có tài văn võ cho quản việc quân dân" và cho "chọn quan viên văn chức, người nào biết chữ cho vào Quốc tử giám" (23). Năm sau (1077), vào mùa xuân, tháng 2, triều đình mới tổ chức khoa thi thứ hai gọi là thi Lại viên. Thi bằng phép viết chữ, phép tính và hình luật. Ai trúng tuyển thì được bổ dụng (24). Rồi chín năm nữa (1086), nhà Lý mới tổ chức khoa thi tiếp theo, chọn trong số những người có văn học trong nước sung vào làm quan ở Hàn lâm viện. Khoa thi này, Mạc Hiển Tích đỗ đầu được bổ vào làm Hàn lâm Học sĩ (25) (chức quan đứng đầu Viện hàn lâm- một cơ quan quan trọng giúp việc bên cạnh vua). Mãi 66 năm sau (1152), nhà Lý mới lại cho mở khoa thi điện (26) và sau 13 năm (1165), triều đình mới lại mở khoa thi nữa gọi là thi học sinh (27). Rồi phải tới 20 năm sau (1185), nhà Lý mới lại cho mở tiếp kỳ thi sĩ tử trong nước, qui định từ 15 tuổi, người nào thông hiểu *Thi, Thư* thì được vào hầu vua học ở ngự điện. Kỳ thi này lấy đỗ 30 người, trong đó có Bùi Quốc Khái (người Cẩm Giàng-Hải Dương) và Đặng Nghiêm (người Thư Trì-Thái Bình) (28). Tám năm sau (1193), nhà Lý lại mở khoa thi, mục đích cũng là để chọn người vào hầu vua học (29). Cùng năm này, nhà Lý còn cho tiến hành khảo khoá các quan văn võ trong ngoài để tiếp tục sử dụng hay thăng giáng (30). Kỳ thi cuối cùng mà nhà Lý tổ chức là kỳ thi tam giáo vào năm 1195 (31). Trong kỳ thi này, Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo được đem ra cho kẻ sĩ thi và ai đỗ thì cho xuất thân, tức cho ra làm quan.

Trong suốt tám triều vua Lý gồm hơn 200 năm tồn tại, nhà Lý mới mở được chưa đầy 10 khoa thi và các khoa thi được mở đó cũng chưa theo một định kỳ nhất định như ở các thời kỳ sau, chỉ khi nào thấy cần nhà nước mới cho tổ chức thi mà thôi. Hiện số người đỗ trong các khoa thi được mở vào thời Lý chính xác là bao nhiêu cũng không thể kê cứu được. Theo biên niên sử (*Toàn thư* và *Cương mục*) thì trừ hai khoa thi vào năm 1075 và 1086, đỗ đầu là Lê Văn Thịnh và Mạc Hiển Tích (số người khác không rõ) và những khoa thi khác (5 khoa thi) vào các năm 1077, 1152, 1165, 1193, 1195 không thấy sử ghi người đỗ, riêng chỉ có khoa thi vào năm 1185 ghi số người đỗ cả thảy là 30 người, trong đó có Bùi Quốc Khái và Đặng Nghiêm. Nhưng sách *Lịch triều hiến chương loại chí,* phần *Khoa mục chí* của Phan Huy Chú thì chỉ ghi có 20 người đỗ trong khoa thi năm 1185 (32). Với số người đỗ ghi chưa thật đầy đủ như trên (32 người gồm cả 2 người đỗ đầu hoặc 22 người gồm cả 2 người đỗ đầu của một khoa thi trong số gần 10 khoa thi của hơn 200 năm) thì chắc chắn số lượng Nho sĩ đỗ đạt bổ sung vào bộ máy chính quyền nhà nước thời Lý cũng chưa phải là nhiều nếu không nói là con số quá khiêm tốn.

Như thế rõ ràng nhà Lý đã bắt đầu mở rộng học nghiệp và mở khoa cử để tuyển dụng quan lại, nhưng quan lại xuất thân từ Nho sĩ qua con đường khoa cử vào thời kỳ này còn quá ít, vì số lượng khoa thi mở chưa nhiều. Cho nên, dù nói nhà Lý đã trọng dụng quan lại thông qua khoa cử nhưng tầng lớp quan lại xuất thân từ Nho sĩ qua con đường khoa cử lại chưa đóng vai trò quan trọng trong bộ máy chính quyền Nhà nước với tỷ trọng không đáng kể của nó so với những hình thức trọng dụng khác như tuyển cử và nhiệm tử. Như vậy, có thể nói rằng, khoa cử thời Lý đã bắt đầu được xúc tiến và thông qua hình thức khoa cử, nhà Lý đã tuyển dụng được một đội ngũ

quan lại xuất thân từ Nho sĩ vào giúp việc triều đình, nhưng khoa cử ở thời kỳ này mới chỉ *bắt đầu chứ chưa chiếm vị trí quan trọng trong phương thức tuyển dụng quan lại của thời Lý*. Khoa cử chỉ trở thành một phương thức tuyển dụng quan lại quan trọng và chiếm vị trí đáng kể ở những thời kỳ sau, khi nó trở thành phương thức tuyển dụng *chủ yếu*. Phương thức tuyển dụng quan lại bằng khoa cử được coi là phương thức tuyển chọn chủ yếu phải tính từ thời Trần (thế kỷ XIII-XIV) về sau và đặc biệt là từ thời Lê Sơ (thế kỷ XV).

Tuy khoa cử chưa trở thành chế độ qui củ để tuyển dụng được thật nhiều quan lại có học vào làm việc trong tổ chức chính quyền Nhà nước nhưng để nâng cao năng lực và phẩm chất của đội ngũ quan lại vào giúp việc triều đình, nhà Lý đã thực hiện chế độ "khảo khoá" ngay từ khi chưa tiến hành khoa cử. Bắt đầu từ năm 1051, nhà Lý đã định phép khảo hạch các quan lại, lệnh ban xuống rằng "các quan văn võ, làm việc mà không có tội lỗi được thăng chức tước theo thứ bậc khác nhau" (33). Năm 1097, sau khi đã tiến hành thi cử tuyển chọn quan lại, vua Lý Nhân Tông vẫn ban lệnh "cho các quan kiểm điểm hiệu đính các điều lệ về điển chương cũ, biên tập và qui định lại rồi cho thi hành" (34). Đến thời Lý Anh Tông, năm 1162, vẫn tiếp tục ban lệnh khảo khoá cho các quan văn võ, người nào đã đủ niên hạn khảo mà không có lỗi thì được thăng trật. Và bắt đầu từ năm này, khảo khoá được định làm lệ thường, cứ 9 năm làm một lần khảo (35). Năm 1179, vua Lý Cao Tông còn cho xét công trạng các quan lại, chia ra làm ba loại: Người giữ chức siêng năng tài cán nhưng không thông chữ nghĩa làm một loại; người có chữ nghĩa tài cán làm một loại; người tuổi cao hạnh thuần, biết rõ việc xưa nay làm một loại. Tất cả ba loại này cứ theo thứ bậc trao cho quan chức để trị dân coi quân. Với việc khảo hạch rõ ràng như vậy đã "khiến cho quan chức không lạm nhũng" (37). Cho đến năm 1193, vua Lý Cao Tông vẫn tiếp tục cho tiến hành khảo khoá các quan văn võ trong ngoài để rõ việc nên thăng hay giáng (38).

Với chế độ khảo khoá quan lại 9 năm một lần của nhà Lý như vậy đã phần nào khuyến khích được những quan lại siêng năng và hạn chế bớt được những quan lại lười biếng, góp phần nâng cao chất lượng của đội ngũ quan lại khi chế độ khoa cử tuyển chọn quan lại qua con đường học nghiệp còn chưa thịnh hành.

Tuy nhiên, niên hạn khảo khoá kéo dài 9 năm một lần như vậy cũng chưa phải là biện pháp tốt nhất để nâng cao chất lượng đội ngũ quan lại. Vì việc "thăng giáng quan lại nếu để quá lâu thì người hiền tài không khỏi bị chìm lấp, mà kẻ vô tài thường được tạm nương thân" (39). Theo nhận xét của Phan Huy Chú trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí* thì "phép khảo khoá đời Lý, đời Trần, niên hạn đều chậm lâu" (40). Như vậy, tuy đây là việc làm hữu ích nhưng hiệu quả của nó chắc chắn còn hạn chế .

Thông qua ba con đường tuyển dụng quan lại và chế độ khảo khoá 9 năm một lần trên đây trong suốt hơn 200 năm tồn tại, nhà Lý đã có được một đội ngũ quan chức khá đông đảo vào giúp việc trong bộ máy chính quyền Nhà nước theo một hệ thống từ trên xuống dưới từ chính quyền Trung ương tới chính quyền địa phương. Đội ngũ quan chức đông đảo làm việc trong bộ máy chính quyền Nhà nước thời Lý bao gồm ba thành phần chính là: *Quí tộc, Công thần* và *Nho sĩ* mới gia nhập qua con đường khoa cử. Ngoài ba thành phần chính trên đây, vào thời Lý còn có thêm một bộ phận

giúp việc nữa trong bộ máy chính quyền Nhà nước là đội ngũ *cao tăng* hay còn gọi là Tăng quan. Nhà Lý đã kế thừa tổ chức tăng quan của nhà Đinh và Tiền Lê trước đó. Dưới thời Đinh-Tiền Lê một số cao tăng có trình độ học vấn uyên bác đều được triều đình trọng dụng và được phong là Quốc sư, giúp vua và triều đình quản lý giới Phật tử, như Quốc Sư Vạn Hạnh, Viên Chiếu, Thông Biện, Viên Thông, Không Lộ... Bên cạnh việc kế thừa đội ngũ cao tăng của thời kỳ trước, nhà Lý đã duy trì hệ thống Tăng thống, Tăng lục, Tăng chính... Đây cũng là một tổ chức khá độc đáo của nhà Lý, dùng tăng quan giúp nhà vua và triều đình quản lý về mặt hành chính các tăng đồ trong nước.

Đội ngũ quan lại văn võ làm việc trong bộ máy chính quyền Nhà nước thời Lý được chia làm 9 phẩm và được giữ nhiều trọng chức khác nhau cả trong và ngoài triều. Ở trong triều, đối với các bậc văn võ đại thần thì có các trọng chức trong hàng Tam Thái và Tam Thiếu như Thái sư, Thái phó, Thái Bảo và Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu bảo cùng với các trọng chức khác như Thái uý, Thiếu uý, Nội ngoại hành điện đô tri sự và Kiểm hiệu bình chương sự. Dưới các trọng chức của các bậc đại thần là các chức Bộ Thượng thư, Tả hữu tham tri, Tả hữu gián nghị và Trung thư thị lang (thuộc quan có các chức Trung thư thừa, Trung thư xá nhân), Bộ Thị lang, Tả hữu ty lang trung, Thượng thư sảnh viên ngoại lang, Đông Tây cáp môn sứ, Tả hữu phúc tâm, Nội thường thị phủ sĩ sư, Điện học sĩ, Hàn lâm học sĩ, Vệ đại phu, Thư gia các hoả, Thừa trực lang, Thừa tín lang... bên hàng văn. Bên hàng võ thì có Đô thống, Nguyên soái, Tổng quản, Khu mật sứ, Khu mật tả hữu sứ, Tả hữu kim ngô, Thượng tướng, Đại tướng, Đô tướng, Tướng quân các vệ (có các hiệu Uy vệ, Kiêu vệ, Định thắng), Chỉ huy sứ, Vũ vệ hoả đầu, cùng là sáu binh tào Vũ tiệp, Vũ lâm... Các quan làm việc ở ngoài triều cũng được bổ dụng nhiều chức vụ khác nhau tuỳ theo công việc. Bên hàng văn có các chức Tri phủ, Phán phủ và Tri châu. Bên hàng võ thì ở các lộ, trấn đều cho đặt quan và binh để đóng giữ (41).

Quan lại làm việc trong triều và ngoài các phủ, lộ, châu thời Lý đều không được hưởng chế độ lương bổng thường xuyên "quan trong thì bất thần vua thưởng cho; quan ngoài thì giao cho dân một miền để đặt người thuộc viên thu thuế ruộng đất hồ ao đánh vào dân cày, dân cá mà lấy lợi" (42). Sách *Đại việt sử ký toàn thư* ghi, vào năm 1042, vua Lý Thái Tông chiếu xuống chiếu về việc thu thuế của trăm họ, cho phép quan thu thuế, ngoài 10 phần phải nộp vào công quĩ thì được phép lấy thêm một phần nữa gọi là hoành đầu. Lấy quá thì bị xử tội (43). Mãi đến năm 1067, vua Lý Thánh Tông mới bắt đầu cấp bổng lộc cho các quan Đô hộ phủ sĩ sư (tức quan coi về hình ngục) "mỗi người mỗi năm 50 quan tiền, 100 bó lúa và cá muối mọi thức, cho ngục lại mỗi người 20 quan tiền, 100 bó lúa để nuôi đức liêm" (44).

*

Quan lại thời Lý vừa không được hưởng chế độ lương bổng thường xuyên của triều đình vừa phải trải qua một chế độ tuyển chọn tương đối qui củ và chế độ khảo khoá khá nghiêm ngặt nên chất lượng quan lại thời kỳ này chắc chắn được đảm bảo. Nhờ thế, vương triều Lý cũng như thể chế chính quyền Nhà nước thời Lý mới có điều kiện đứng vững trong hơn hai thế kỷ, góp phần đưa quốc gia Đại Việt thời Lý phát triển lên một bước mới với một nền kinh tế phát triển, nền quốc phòng vững mạnh và nền văn hoá Thăng Long đặc sắc mang đậm dấu ấn lịch sử.

CHÚ THÍCH

(1). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, bản dịch, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1961, tập II, tr. 69.

(2). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sđd, tr. 69.

(3). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sđd, tr. 87.

(4). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sđd, tr. 63.

(5). *Đại việt sử ký toàn thư*, bản dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983, tập I, quyển II, tr. 245.

(6). Đại việt sử ký *toàn thư*, tập I, quyển I. sđd, tr. 239.

(7). *Việt sử thông giám cương mục*, bản dịch, chính biên, tập I, quyển IV, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 390. *Đại việt sử ký toàn thư*, tập I, quyển III, sđd, tr. 325.

(8). *Việt sử thông giám cương mục*, chính biên, tập I, quyển V, sđd, tr. 421. *Đại việt sử ký toàn thư*, tập I, quyển IV, sđd, tr. 351.

(9). *Đại việt sử ký toàn thư*, tập I, quyển III, sđd, tr. 315. *Việt sử thông giám cương mục*, chính biên, tập I, quyển IV, sđd, tr. 381.

(10). *Đại việt sử ký toàn thư*, tập I, quyển II, sđd, tr. 256.

(11). *Đại việt sử ký toàn thư*, tập I, quyển II, sđd, tr. 256.

(12). *Đại việt sử ký toàn thư*, tập I, quyển I, sđd, tr. 239.

(13). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sđd, tr. 6.

(14). *Đại việt sử ký toàn thư*, tập I, quyển II, sđd, tr. 253.

(15). *Đại việt sử ký toàn thư*, tập I, quyển II, sđd, tr. 256.

(16). *Đại việt sử ký toàn thư*, tập I, quyển II, sđd, tr. 256-257.

(17). *Đại việt sử ký toàn thư*, tập I, quyển III, sđd, tr. 315. *Việt sử thông giám cương mục*, chính biên, tập I, quyển IV, sđd, tr. 381.

(18). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sđd, tr. 65.

(19). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sđd, tr. 69.

(20). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Khoa mục chí, tập III, bản dịch, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1961, sđd, tr. 5.

(21). *Đại việt sử ký toàn thư*, tập I, quyển III, sđd, tr. 290.

(22). *Việt sử thông giám cương mục*, chính biên, tập I, quyển III, sđd, tr. 349.

(23). *Đại việt sử ký toàn thư*, tập I, quyển III, sđd. tr. 292. *Việt sử thông giám cương mục*, chính biên, tập I, quyển III, sđd, tr. 353. Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sđd. tr. 87.

(24) *Đại việt sử ký toàn thư*, tập I, quyển III, sđd, tr. 293. *Việt sử thông giám cương mục*, chính biên, tập I, quyển III, sđd, tr. 355.

(25). *Đại việt sử ký toàn thư*, tập I, quyển III, sđd, tr. 295. *Việt sử thông giám cương mục*, chính biên, tập I, quyển III, sđd, tr. 360. Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Khoa mục chí, tập III, sđd, tr. 6.

(26). *Đại việt sử ký toàn thư*, tập I, quyển IV, sđd, tr 341. *Việt sử thông giám cương mục*, chính biên, tập I, quyển V, sđd, tr. 407. Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Khoa mục chí, tập III, sđd, tr. 6.

(27). *Đại việt sử ký toàn thư*, tập I, quyển IV, sđd, tr. 346. *Việt sử thông giám cương mục*, chính biên, tập I, quyển V, sđd, tr. 413. Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Khoa mục chí, tập III, sđd, tr. 6.

(28). *Đại việt sử ký toàn thư*, tập I, quyển IV, sđd, tr. 352. *Việt sử thông giám cương mục*, chính biên, tập I, quyển V, sđd, tr. 422. Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Khoa mục chí, tập III, sđd, tr. 6.

(29). *Đại việt sử ký toàn thư,* tập I, quyển IV, sđd, tr. 354. Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Khoa mục chí, tập III, sđd, tr. 6.

(30). *Đại việt sử ký toàn thư,* tập I, quyển IV, sđd, tr. 354.

(31). *Đại việt sử ký toàn thư,* tập I, quyển IV, sđd, tr. 355. *Việt sử thông giám cương mục,* chính biên, tập I, quyển V, sđd, tr. 425. Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Khoa mục chí, tập III, sđd, tr. 6.

(32). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Khoa mục chí, tập III, sđd, tr. 36.

(33). *Đại việt sử ký toàn thư,* tập I, quyển II, sđd, tr. 273. *Việt sử thông giám cương mục,* chính biên, tập I, quyển III, sđd, tr. 332 .

(34). *Đại việt sử ký toàn thư,* tập I, quyển III, sđd, tr. 297. *Việt sử thông giám cương mục,* chính biên, tập I, quyển IV, sđd, tr. 364.

(35). *Đại việt sử ký toàn thư,* tập I, quyển IV, sđd, tr. 345. *Việt sử thông giám cương mục,* chính biên, tập I, quyển V, sđd, tr. 412. Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sđd, tr. 98.

(36). *Đại việt sử ký toàn thư,* tập I, quyển IV, sđd, tr. 350. *Việt sử thông giám cương mục,* chính biên, tập I, quyển V, sđd, tr.419. Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sđd, tr. 98.

(37). *Đại việt sử ký toàn thư,* tập I, quyển IV, sđd, tr. 354.

(38), (39, (40), (41), (42). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sđd, tr. 98, 98, 7, 71, 71.

(42). *Đại việt sử ký toàn thư,* tập I, quyển II, sđd, tr. 271.

VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG HỆ THỐNG...

(Tiếp theo trang 16)

int Casteel Batavia vant passerende daer ter plaetse als over geheel Nederlandts-India (The Hague: Martinus Nijhoff and Batavia: Landsdrukkerij, 1887-1931), 1661, pp. 49-55. Xem thêm những nghiên cứu về vấn đề này từ: Hoang Anh Tuan, "Tonkin Rear for China Front: The VOC's Exploration for the Southern China Trade in the 1660s". Paper presented at the international workshop *Ports, Pirates and Hinterlands in the East and Southeast Asia: Historical and Contemporary Perspectives*, Shanghai, China, November 2005; Niu Junkai, "Pirates, Merchants and Mandarins: Chinese and Vietnamese Pirates in Tongking Gulf during 17th century period" in *A Mini Mediterranean Sea: Gulf of Tongking through History*, sđd, tr. 201-209.

(52). Nguyen Long Kerry, "Bat Trang and the Ceramic Trade in Southeast Asian Archipelagos", in Phan Huy Le et al., *Bat Trang Ceramic, 14th-19th Centuries* (Hanoi: The Gioi Publishers, 1994), pp. 84-90; Hoàng Anh Tuấn, "Gốm sứ Đàng Ngoài xuất khẩu ra Đông Nam Á thế kỷ XVII: Tư liệu và nhận thức", sđd, tr. 28-39.